

1523	03.2245.0217	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm]	Lần	320,000
1524	18.0607.0169	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm	Lần	1,115,000
1525	03.2245.0218	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	Lần	340,000
1526	18.0609.0170	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	Lần	930,000
1527	03.1944.1016	Điều trị tủy răng sữa [một chân]	Lần	347,000
1528	03.2245.0219	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm]	Lần	405,000
1529	03.2329.0095	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	780,000
1530	03.2331.0164	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	Lần	245,000
1531	03.1914.1025	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Lần	161,000
1532	16.0204.1025	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Lần	161,000
1533	03.2356.0505	Chọc hút áp xe thành bụng	Lần	269,000
1534	03.2367.0112	Chọc dịch khớp	Lần	180,000
1535		Phụ thu nhổ răng số 8	Lần	500,000
1536	03.3247.0094	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	Lần	679,000
1537		Phá thai nội khoa	Lần	300,000
1538	03.3326.0506	Tháo lồng bằng bơm khí/nước	Lần	220,000
1539	10.9003.0202	Thay băng [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	Lần	172,000
1540	03.3826.0075	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Lần	91,000
1541	03.3826.2047	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	Lần	140,000
1542	10.9004.0075	Cắt chỉ	Lần	91,000
1543	03.3830.0529	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng [bột liền]	Lần	710,000
1544	13.0232.0647	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22	Lần	661,000
1545	08.0022.0252	Sắc thuốc thang	Lần	64,000
1546	03.3831.0525	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O [bột liền]	Lần	423,000
1547	15.0209.1041	Cắt phanh lưỡi [không gây mê]	Lần	395,000
1548	02.0421.0214	Tiêm khớp ức - sườn dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1549	03.3832.0525	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X [bột liền]	Lần	423,000
1550	03.3821.0216	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	Lần	245,000
1551	03.3833.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi [bột liền]	Lần	710,000
1552	20.0059.0140	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	Lần	849,000

1553	03.2611.0898	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	Lần	78,000
1554	03.3834.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi [bột liền]	Lần	710,000
1555	03.1085.0148	Nội soi niệu quản chẩn đoán	Lần	1,070,000
1556	03.3835.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi [bột liền]	Lần	710,000
1557	03.1082.0152	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật	Lần	1,035,000
1558	03.3838.0529	Nắn, bó bột cột sống [bột liền]	Lần	710,000
1559	03.3839.0517	Nắn, bó bột trật khớp vai [bột liền]	Lần	392,000
1560	03.1079.0152	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Lần	1,035,000
1561	03.3845.0515	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu [bột liền]	Lần	485,000
1562	03.1078.0148	Nội soi bàng quang [nhi]	Lần	1,070,000
1563	03.1077.0115	Nội soi lấy sỏi niệu quản	Lần	1,093,000
1564	03.3846.0515	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay [bột liền]	Lần	485,000
1565	03.1076.0440	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Lần	2,500,000
1566	03.1074.0104	Nội soi đặt ống thông niệu quản (sonde JJ)	Lần	1,059,000
1567	03.3847.0527	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay [bột liền]	Lần	423,000
1568	03.0693.0228	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Lần	87,000
1569	03.3848.0527	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ 3 và độ 1 V [bột liền]	Lần	423,000
1570	03.0690.0228	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	Lần	87,000
1571	03.0684.0228	Cứu điều trị ù tai thể hàn	Lần	87,000
1572	03.3849.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay [bột liền]	Lần	423,000
1573	03.0682.0228	Cứu điều trị bại não thể hàn	Lần	87,000
1574	03.3850.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay [bột liền]	Lần	423,000
1575	03.0681.0228	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	Lần	87,000
1576	03.3851.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay [bột liền]	Lần	423,000
1577	03.0680.0228	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Lần	87,000
1578	03.3852.0521	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột liền]	Lần	423,000
1579	03.0679.0228	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Lần	87,000
1580	03.3853.0521	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles [bột liền]	Lần	423,000
1581	03.3854.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột liền]	Lần	307,000
1582	03.0678.0228	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Lần	87,000
1583	03.3855.0511	Nắn, bó bột trật khớp háng [bột liền]	Lần	717,000

1584	03.0676.0228	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần	87,000
1585	03.0646.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	126,000
1586	03.3856.0513	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng [bột liền]	Lần	332,000
1587	03.0645.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị nôn, nấc	Lần	126,000
1588	03.0642.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	126,000
1589	03.3857.0525	Nắn, bó bột gãy mâm chày [bột liền]	Lần	423,000
1590	03.0629.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	126,000
1591	03.3859.0529	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi [bột liền]	Lần	710,000
1592	03.0623.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị động kinh	Lần	126,000
1593	03.3860.0511	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật [bột liền]	Lần	717,000
1594	03.0621.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	Lần	126,000
1595	03.3861.0529	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi [bột liền]	Lần	710,000
1596	03.0617.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt các dây thần kinh	Lần	126,000
1597	03.0614.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai	Lần	126,000
1598	03.3862.0533	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Lần	217,000
1599	03.0609.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị bại não trẻ em	Lần	126,000
1600	03.3863.0513	Nắn, bó bột trật khớp gối [bột liền]	Lần	332,000
1601	03.0603.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt	Lần	126,000
1602	03.3864.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân [bột liền]	Lần	423,000
1603	03.0570.0271	Thủy châm điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	128,000
1604	03.0566.0271	Thủy châm điều trị hen phế quản	Lần	128,000
1605	03.0565.0271	Thủy châm điều trị viêm mũi dị ứng	Lần	128,000
1606	03.3866.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột liền]	Lần	423,000
1607	03.3867.0525	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột liền]	Lần	423,000
1608	03.0564.0271	Thủy châm điều trị viêm xoang	Lần	128,000
1609	03.0532.0271	Thủy châm điều trị liệt	Lần	128,000
1610	03.3868.0525	Nắn, bó bột gãy Dupuytren [bột liền]	Lần	423,000
1611	03.0525.0230	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	129,000
1612	03.3869.0521	Nắn, bó bột gãy Monteggia [bột liền]	Lần	423,000
1613	03.0522.0230	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Lần	129,000
1614	03.3870.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân [bột liền]	Lần	307,000
1615	03.3872.0519	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột liền]	Lần	307,000

1616	03.0518.0230	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Lần	129,000
1617	03.3873.0515	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	Lần	485,000
1618	03.0505.0230	Điện châm điều trị đái dầm	Lần	129,000
1619	03.3874.0515	Nắn, cố định trật khớp hàm [bột liền]	Lần	485,000
1620	03.0497.0230	Điện châm điều trị nôn nấc	Lần	129,000
1621	03.0493.0230	Điện châm điều trị giảm thính lực	Lần	129,000
1622	03.3875.0513	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột liền]	Lần	332,000
1623	03.0479.0230	Điện châm điều trị mất ngủ	Lần	129,000
1624	03.3911.0200	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài $\leq 15\text{cm}$]	Lần	115,000
1625	03.0470.0230	Điện châm điều trị chứng ù tai	Lần	129,000
1626	03.3911.0201	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	Lần	140,000
1627	03.0468.0230	Điện châm điều trị bại não	Lần	129,000
1628	03.3911.0202	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	Lần	172,000
1629	03.0461.0230	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	Lần	129,000
1630	03.3911.0203	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	Lần	199,000
1631	03.0453.0227	Cấy chỉ điều trị đái dầm	Lần	207,000
1632	03.3911.0204	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	Lần	244,000
1633	03.0449.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	Lần	207,000
1634	03.3911.0205	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài $> 50\text{cm}$ nhiễm trùng]	Lần	326,000
1635	03.0446.0227	Cấy chỉ điều trị đau lưng	Lần	207,000
1636	05.0007.0329	Điều trị u mềm treo bằng laser CO2	Lần	449,000
1637	03.0444.0227	Cấy chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	207,000
1638	05.0008.0329	Điều trị dày sừng da đầu bằng laser CO2	Lần	449,000
1639	03.0442.0227	Cấy chỉ điều trị nôn, nấc	Lần	207,000
1640	07.0225.0200	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài $\leq 15\text{cm}$]	Lần	115,000
1641	03.0437.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	207,000
1642	07.0225.0201	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	Lần	140,000
1643	03.0435.0227	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	Lần	207,000
1644	07.0225.0202	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	Lần	172,000
1645	03.0434.0227	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Lần	207,000
1646	07.0225.0203	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	Lần	199,000
1647	03.0433.0227	Cấy chỉ điều trị viêm xoang	Lần	207,000
1648	03.0428.0227	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần	207,000

1649	07.0225.0204	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	Lần	244,000
1650	07.0225.0205	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	Lần	326,000
1651	03.0427.0227	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	207,000
1652	07.0226.0199	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	Lần	330,000
1653	03.0424.0227	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	Lần	207,000
1654	07.0231.0505	Trích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	Lần	269,000
1655	03.0423.0227	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	207,000
1656	08.0001.0224	Mai hoa châm	Lần	127,000
1657	03.0414.0227	Cấy chỉ điều trị chứng ù tai	Lần	207,000
1658	08.0009.0228	Cứu	Lần	87,000
1659	03.0412.0227	Cấy chỉ điều trị bại não	Lần	207,000
1660	08.0015.0252	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	Lần	64,000
1661	03.0411.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh tọa	Lần	207,000
1662	08.0016.0247	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT	Lần	170,000
1663	03.0407.0227	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người	Lần	207,000
1664	08.0017.0248	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT	Lần	170,000
1665	03.0406.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	Lần	207,000
1666	08.0018.0246	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT	Lần	170,000
1667	03.0405.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	Lần	207,000
1668	08.0169.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	129,000
1669	03.0404.0227	Cấy chỉ điều trị di chứng bại liệt	Lần	207,000
1670	03.0117.0101	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	Lần	1,299,000
1671	08.0186.0230	Điện nhĩ châm điều trị di tinh	Lần	129,000
1672	08.0229.0227	Cấy chỉ điều trị tâm căn suy nhược	Lần	207,000
1673	03.0115.0118	Lọc máu hấp thụ bằng than hoạt	Lần	2,556,000
1674	02.0519.0173	Sinh thiết phần mềm bằng phương pháp sinh thiết mở	Lần	345,000
1675	08.0230.0227	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Lần	207,000
1676	08.0232.0227	Cấy chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá tràng	Lần	207,000
1677	02.0429.0214	Tiêm điểm bấm gân móm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000

1678	02.0428.0214	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1679	08.0241.0227	Cây chỉ điều trị hội chứng thắt lưng hông	Lần	207,000
1680	02.0427.0214	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1681	08.0242.0227	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	207,000
1682	02.0426.0214	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1683	08.0243.0227	Cây chỉ điều trị mất ngủ	Lần	207,000
1684	08.0245.0227	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình	Lần	207,000
1685	02.0425.0214	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1686	02.0424.0214	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1687	08.0246.0227	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	Lần	207,000
1688	08.0247.0227	Cây chỉ điều trị hen phế quản	Lần	207,000
1689	02.0423.0214	Tiêm khớp thái dương hàm dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1690	08.0249.0227	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần	207,000
1691	02.0422.0214	Tiêm khớp đòn - cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1692	08.0251.0227	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	207,000
1693	02.0420.0214	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1694	08.0262.0227	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang	Lần	207,000
1695	02.0419.0214	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1696	08.0263.0227	Cây chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	207,000
1697	02.0418.0214	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1698	08.0264.0227	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài	Lần	207,000
1699	02.0417.0214	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1700	02.0416.0214	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1701	08.0265.0227	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	207,000
1702	02.0415.0214	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1703	08.0266.0227	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	207,000
1704	02.0414.0214	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000
1705	08.0267.0227	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	207,000
1706	02.0413.0214	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	199,000

1707	08.0268.0227	Cấy chỉ điều trị đau lưng	Lần	207,000
1708	02.0410.0213	Tiêm cạnh cột sống ngực	Lần	155,000
1709	08.0269.0227	Cấy chỉ điều trị dải dằm	Lần	207,000
1710	02.0409.0213	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng	Lần	155,000
1711	08.0278.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần	129,000
1712	08.0301.0230	Điện châm điều trị liệt chi trên	Lần	129,000
1713	02.0408.0213	Tiêm cạnh cột sống cổ	Lần	155,000
1714	08.0452.0228	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Lần	87,000
1715	02.0407.0213	Tiêm cân gan chân	Lần	155,000
1716	08.0454.0228	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần	87,000
1717	02.0406.0213	Tiêm gân gót	Lần	155,000
1718	02.0404.0213	Tiêm điểm bám gân móm cùng vai	Lần	155,000
1719	08.0457.0228	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Lần	87,000
1720	08.0458.0228	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Lần	87,000
1721	02.0403.0213	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	Lần	155,000
1722	08.0459.0228	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Lần	87,000
1723	02.0402.0213	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	Lần	155,000
1724	02.0401.0213	Tiêm gân gấp ngón tay	Lần	155,000
1725	08.0461.0228	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Lần	87,000
1726	02.0400.0213	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	Lần	155,000
1727	08.0463.0228	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Lần	87,000
1728	10.0353.0158	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	Lần	281,000
1729	02.0398.0213	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	Lần	155,000
1730	10.0985.0519	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann [bột liền]	Lần	307,000
1731	02.0397.0213	Tiêm điểm bám gân lồi cầu trong (lồi cầu ngoài) xương cánh tay	Lần	155,000
1732	02.0396.0213	Tiêm điểm bám gân móm trám quay (móm trám trụ)	Lần	155,000
1733	02.0395.0213	Tiêm khớp cùng chậu	Lần	155,000
1734	10.0987.0525	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O [bột liền]	Lần	423,000
1735	02.0393.0213	Tiêm khớp thái dương hàm	Lần	155,000
1736	10.0989.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi [bột liền]	Lần	710,000
1737	02.0391.0213	Tiêm khớp ức - sườn	Lần	155,000
1738	02.0390.0213	Tiêm khớp ức đòn	Lần	155,000
1739	02.0389.0213	Tiêm khớp vai	Lần	155,000
1740	02.0387.0213	Tiêm khớp đốt ngón tay	Lần	155,000
1741	10.0992.0529	Bột Corset Minerve, Cravate [bột liền]	Lần	710,000
1742	10.0994.0529	Nắn, bó bột cột sống [bột liền]	Lần	710,000
1743	02.0386.0213	Tiêm khớp bàn ngón tay	Lần	155,000
1744	10.0995.0517	Nắn, bó bột trật khớp vai [bột liền]	Lần	392,000
1745	02.0385.0213	Tiêm khớp cổ tay	Lần	155,000
1746	02.0384.0213	Tiêm khớp bàn ngón chân	Lần	155,000

1747	02.0364.0087	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	222,000
1748	10.0997.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay [bột liền]	Lần	423,000
1749	02.0363.0086	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	Lần	177,000
1750	02.0361.0112	Hút nang bao hoạt dịch	Lần	180,000
1751	02.0360.0113	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	195,000
1752	02.0359.0112	Hút dịch khớp vai	Lần	180,000
1753	10.1001.0515	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay [bột liền]	Lần	485,000
1754	10.1002.0527	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay [bột liền]	Lần	423,000
1755	02.0358.0113	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	195,000
1756	10.1003.0527	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV [bột liền]	Lần	423,000
1757	02.0357.0112	Hút dịch khớp cổ tay	Lần	180,000
1758	02.0356.0113	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	195,000
1759	10.1004.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay [bột liền]	Lần	423,000
1760	10.1006.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay [bột liền]	Lần	423,000
1761	02.0355.0112	Hút dịch khớp cổ chân	Lần	180,000
1762	02.0354.0113	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	195,000
1763	10.1007.0521	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột liền]	Lần	423,000
1764	02.0353.0112	Hút dịch khớp khuỷu	Lần	180,000
1765	10.1009.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột liền]	Lần	307,000
1766	02.0352.0113	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	195,000
1767	02.0351.0112	Hút dịch khớp háng	Lần	180,000
1768	02.0350.0113	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	195,000
1769	10.1011.0513	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng [bột liền]	Lần	332,000
1770	02.0349.0112	Hút dịch khớp gối	Lần	180,000
1771	02.0229.0152	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang	Lần	1,035,000
1772	02.0227.0164	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	Lần	207,000
1773	13.0045.0622	Hủy thai: chọc ọc, kẹp sọ, kéo thai	Lần	2,783,000
1774	12.0164.0898	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	Lần	78,000

1775	11.0171.0237	Điều trị vết thương mạn tính bằng đèn hồng ngoại	Lần	91,000
1776	11.0119.1133	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại trong điều trị vết thương mạn tính	Lần	633,000
1777	10.1116.0509	Nắn có gây mê, bó bột bàn chân ngựa vẹo vào, bàn chân bẹt/tật gối cong lõm trong hay lõm ngoài (bột liền)	Lần	830,000
1778	10.1021.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột liền]	Lần	423,000
1779	08.0007.0227	Cấy chỉ	Lần	207,000
1780	10.1022.0519	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột liền]	Lần	307,000
1781	07.0230.0199	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	Lần	330,000
1782	05.0090.0334	Phẫu thuật sùi mào gà đường kính 5 cm trở lên	Lần	940,000
1783	03.3817.0505	Trích áp xe phần mềm lớn	Lần	269,000
1784	10.1028.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân [bột liền]	Lần	307,000
1785	03.3405.0606	Chọc dò túi cùng Douglas	Lần	363,000
1786	10.1029.0515	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	Lần	485,000
1787	03.0484.0230	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần	129,000
1788	10.1030.0515	Nắn, cố định trật khớp hàm [bột liền]	Lần	485,000
1789	03.0483.0230	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	129,000
1790	01.0244.0165	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	Lần	710,000
1791	01.0240.0077	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	Lần	204,000
1792	11.0005.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 5% diện tích cơ thể]	Lần	181,000
1793	01.0223.0211	Đặt ống thông hậu môn	Lần	143,000
1794	11.0010.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em [dưới 5% diện tích cơ thể]	Lần	181,000
1795	01.0216.0103	Đặt ống thông dạ dày	Lần	152,000
1796	11.0015.1158	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép	Lần	699,000
1797	02.0222.0152	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Lần	1,004,000
1798	11.0016.1160	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu	Lần	264,000
1799	02.0221.0150	Nội soi bàng quang	Lần	626,000
1800	11.0058.1133	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại điều trị vết thương, vết bỏng	Lần	633,000
1801	02.0220.0440	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Lần	1,345,000

1802	11.0087.0120	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	Lần	810,000
1803	02.0218.0152	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục	Lần	1,004,000
1804	11.0088.0099	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bỏng	Lần	736,000
1805	02.0075.0081	Chọc dò màng ngoài tim	Lần	331,000
1806	11.0089.0215	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người bệnh bỏng	Lần	76,000
1807	02.0432.0078	Chọc hút mủ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	246,000
1808	11.0090.0216	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị người bệnh bỏng	Lần	245,000
1809	02.0068.0277	Vận động trị liệu hô hấp	Lần	83,000
1810	11.0097.2035	Tắm điều trị người bệnh bỏng	Lần	321,000
1811	02.0067.0206	Thay canuyn mở khí quản	Lần	314,000
1812	11.0099.0237	Điều trị tổn thương bỏng bằng máy sưởi ẩm bức xạ	Lần	91,000
1813	11.0100.0111	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24h điều trị vết thương, vết bỏng	Lần	243,000
1814	02.0061.0164	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	Lần	245,000
1815	11.0101.1159	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48h điều trị vết thương, vết bỏng	Lần	436,000
1816	02.0058.0122	Nghiệm pháp hồi phục phế quản với thuốc giãn phế quản	Lần	163,000
1817	02.0032.0898	Khí dung thuốc giãn phế quản	Lần	78,000
1818	11.0117.0111	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính	Lần	243,000
1819	02.0003.0073	Bơm streptokinase vào khoang màng phổi	Lần	1,099,000
1820	11.0118.1159	Hút áp lực âm (VAC) trong 48h điều trị vết thương mạn tính	Lần	436,000
1821	11.0120.0244	Điều trị vết thương chậm liền bằng laser he-ne	Lần	87,000
1822	02.0002.0071	Bơm rửa khoang màng phổi	Lần	299,000
1823	01.0364.1169	Điều trị thái độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu	Lần	223,000
1824	12.0165.0989	Súc rửa vòm họng trong xạ trị	Lần	85,000
1825	01.0362.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho người bệnh ngộ độc	Lần	583,000
1826	12.0232.0087	Tiêm cồn tuyệt đối vào u gan qua siêu âm	Lần	222,000
1827	01.0357.0078	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	Lần	246,000
1828	13.0019.0618	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	Lần	733,000

1829	01.0356.0078	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp	Lần	246,000
1830	13.0023.2023	Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa	Lần	105,000
1831	01.0336.0158	Rửa bàng quang ở người bệnh hồi sức cấp cứu và chống độc	Lần	281,000
1832	13.0030.0623	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	Lần	1,714,000
1833	16.0206.1026	Nhổ răng thừa	Lần	290,000
1834	13.0031.0727	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	Lần	751,000
1835		Tiêm vaccin uốn ván hấp phụ (TT)	Lần	50,000
1836	13.0040.0629	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	Lần	145,000
1837	13.0048.0640	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	Lần	364,000
1838	13.0051.0237	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại [hồng ngoại]	Lần	91,000
1839	13.0051.0254	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại [sóng ngắn]	Lần	92,000
1840	13.0052.0626	Khâu vòng cổ tử cung	Lần	633,000
1841	13.0053.0594	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	Lần	189,000
1842	13.0084.0607	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm	Lần	2,338,000
1843	13.0137.0077	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng	Lần	204,000
1844	13.0142.0717	Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện)	Lần	1,300,000
1845	13.0145.0611	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	Lần	242,000
1846	13.0146.0612	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn	Lần	440,000
1847	13.0154.0712	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	Lần	465,000
1848	13.0155.0334	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	Lần	940,000
1849	13.0156.0639	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	Lần	678,000
1850	13.0159.0609	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	Lần	980,000
1851	13.0162.0604	Chọc dẫn lưu dịch ổ chướng trong ung thư buồng trứng	Lần	1,120,000
1852	13.0185.0099	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	Lần	736,000
1853	13.0187.0209	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi) [theo giờ thực tế]	Lần	675,000
1854	13.0188.0083	Chọc dò tủy sống sơ sinh	Lần	177,000
1855	13.0191.0079	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh	Lần	213,000
1856	13.0192.0103	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	Lần	152,000

1857	13.0193.0159	Rửa dạ dày sơ sinh	Lần	202,000
1858	13.0199.0211	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	Lần	143,000
1859	13.0200.0071	Bóp bóng ambu, thổi ngạt sơ sinh	Lần	299,000
1860	13.0229.0643	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	Lần	403,000
1861	13.0231.0643	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	Lần	403,000
1862	13.0233.0642	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18	Lần	1,316,000
1863	13.0235.0727	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	Lần	751,000
1864	13.0239.0645	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	Lần	250,000
1865	14.0025.0735	Điều trị glôcôm bằng laser mỏng mắt chu biên	Lần	393,000
1866	14.0026.0735	Điều trị glôcôm bằng tạo hình mỏng mắt (Iridoplasty)	Lần	393,000
1867	14.0092.0865	Tiêm cortison điều trị u máu	Lần	248,000
1868	14.0094.0786	Áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	Lần	117,000
1869	14.0111.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác	Lần	91,000
1870	14.0112.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	Lần	91,000
1871	14.0116.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi	Lần	91,000
1872	14.0158.0851	Tiêm nội nhãn	Lần	296,000
1873	14.0159.0857	Tiêm nhu mô giác mạc	Lần	105,000
1874	14.0160.0786	Áp tia beta điều trị các bệnh lý kết mạc	Lần	117,000
1875	13.0152.0589	Bóc nang tuyến Bartholin	Lần	1,477,000
1876	14.0161.0748	Tập nhược thị	Lần	94,000
1877	14.0166.0780	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây tê]	Lần	410,000
1878	14.0192.0075	Cắt chỉ khâu giác mạc	Lần	91,000
1879	14.0197.0855	Bơm thông lệ đạo [một mắt]	Lần	116,000
1880	14.0198.0784	Lấy máu làm huyết thanh	Lần	119,000
1881	14.0199.0745	Điện di điều trị	Lần	78,000
1882	14.0205.0759	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	Lần	104,000
1883	14.0213.0778	Bóc sợi giác mạc	Lần	150,000
1884	14.0215.0505	Rạch áp xe mi	Lần	269,000
1885	14.0216.0505	Rạch áp xe túi lệ	Lần	269,000
1886	14.0219.0849	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	Lần	110,000
1887	14.0220.0849	Soi đáy mắt bằng Schepens	Lần	110,000
1888	14.0221.0849	Soi góc tiền phòng	Lần	110,000
1889	14.0224.0751	Đo thị giác tương phản	Lần	127,000
1890	14.0252.0801	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	Lần	181,000
1891	14.0256.0843	Đo sắc giác	Lần	131,000
1892	14.0257.0848	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	Lần	84,000
1893	14.0259.0753	Đo khúc xạ giác mạc	Lần	92,000
1894	14.0263.0751	Xác định sơ đồ song thị	Lần	127,000